

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 447/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2019

“Về việc ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn

2. Ông Huỳnh Văn Hùng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 195, tổ 6, ấp BP, xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Có mặt).

Bị đơn: Anh Võ Văn G, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 316, tổ 10, ấp BP, xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Phan Thị T trình bày:

Chị với anh Võ Văn G kết hôn năm 1995, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến. Vợ chồng cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và chính thức đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ, chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Tên Võ Hoàng Ph, sinh năm 1996 và Võ Hoài Ph1, sinh năm 1997 đã thành niên và tự lập.

Về tài sản và nợ chung: Không.

Bị đơn anh Võ Văn G trình bày:

Anh và chị Phan Thị T kết hôn năm 1995, hôn nhân do mai mối, có tổ chức lễ cưới,

nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến. Vợ chồng cũng đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả và chính thức đã ly thân từ năm 2004.

Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Tên Võ Hoàng Ph, sinh năm 1996 và Võ Hoài Ph1, sinh năm 1997 đã thành niên và tự lập.

Về tài sản và nợ chung: Không.

Do bận việc làm ăn, xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập xét xử sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình của chị Phan Thị T và công bố lời khai của anh Võ Văn G Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Võ Văn G nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình - Ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh G với tư cách là bị đơn trong vụ án, có nơi cư trú cuối cùng tại xã BT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa, anh Võ Văn G vắng mặt, nhưng đã có yêu cầu nên Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Võ Văn G là do mai mối rồi tiến tới hôn nhân, nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, anh và chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký là vi phạm. Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “...Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý...” nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ được. Do đó, về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa chị Phan Thị T và anh Võ Văn G là phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Tên Võ Hoàng Ph, sinh năm 1996 và Võ Hoài Ph1, sinh năm 1997 đã thành niên và tự lập.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh G khai không nên Hội đồng xét xử không xem xét, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ

chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai người phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 9; Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa: Chị Phan Thị T và anh Võ Văn G.

Về con chung: Đã trưởng thành và tự lập.

Về tài sản và nợ: Không

Về án phí sơ thẩm:

Chị Phan Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số TU/2017/0001516 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh G vắng mặt được thực hiện quyền này, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Văn Hai